

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kết quả trúng tuyển vào lớp 10
Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm - Nam Dong năm học 2026 - 2027

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông;

Căn cứ Quyết định số 323/QĐ-UBND ngày 09/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc phê duyệt cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Quyết định số 11/2025/QĐ-UBND ngày 19/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Quyết định số 1074/QĐ-UBND ngày 30/3/2026 của UBND tỉnh Lâm Đồng Phê duyệt Kế hoạch tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú, tuyển sinh vào lớp 10 các trường trung học phổ thông năm học 2026 - 2027 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Quyết định số 1940/QĐ-SGDĐT ngày 10/6/2026 của Giám đốc Sở GDĐT Lâm Đồng về việc thành lập các Hội đồng tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông năm học 2026 - 2027;

Xét đề nghị của Hội đồng tuyển sinh Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm - Nam Dong tại Tờ trình số 241/TTr-THPTNBKND ngày 01/8/2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý chất lượng, Sở Giáo dục và Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt kết quả trúng tuyển vào lớp 10 Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm - Nam Dong năm học 2026 - 2027 gồm 280 học sinh (có danh sách đính kèm).

Điều 2. Giao Hiệu trưởng Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm - Nam Dong thông báo danh sách trúng tuyển, tiếp nhận học sinh trúng tuyển vào nhập học theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Trưởng các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo; thủ trưởng các đơn vị, Hiệu trưởng Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm - Nam Dong và những học sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLCL.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Đức Lợi

UBND TỈNH LÂM ĐỒNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH

Học sinh trúng tuyển vào lớp 10 Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm - Nam Dong năm học 2026-2027

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SGDĐT ngày tháng 8 năm 2026 của Giám đốc Sở GDĐT)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm KK	Điểm học tập	Tổng điểm	Lớp 9		Tuyển thẳng	Ghi chú
											ĐTB	Toán, Văn		
1	HOÀNG THỊ KIM	THƯ	06/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	1.0	0	28.0	29.0	6.7	10.8	TN THCS trường PT DTNT	TT
2	LÝ A	THẮNG	23/12/2010	Lâm Đồng	Nam	Hmông	1.0	0	28.0	29.0	6.1	9.7	TN THCS trường PT DTNT	TT
3	SÀM HOÀNG DIỆU	LINH	27/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	1.0	0	27.0	28.0	6.9	11.9	TN THCS trường PT DTNT	TT
4	LÊ THỊ BÍCH	THỦY	10/05/2011	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	1.0	0	40.0	41.0	9.1	18.1		NV1
5	HOÀNG YẾN	NHI	17/06/2011	Lâm Đồng	Nữ	Tày	1.0	0	40.0	41.0	8.9	17.6		NV1
6	LƯU ANH	TUÂN	18/11/2011	Đắk Lắk	Nam	Nùng	1.0	0	40.0	41.0	8.9	17.3		NV1
7	MÃ THỊ KIM	LUYẾN	12/07/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	1.0	0	40.0	41.0	8.8	17.5		NV1
8	MAI ANH	THƯ	29/09/2011	Đắk Lắk	Nữ	Nùng	1.0	0	40.0	41.0	8.7	17.5		NV1
9	HOÀNG ANH	KIỆT	29/07/2011	Lâm Đồng	Nam	H'mông	1.0	0	40.0	41.0	8.6	17.1		NV1
10	TRỊNH LÊ ĐỨC	HÙNG	28/01/2011	Đắk Lắk	Nam	Kinh	1.0	0	40.0	41.0	8.4	16.5		NV1
11	TRẦN THỦY	TIÊN	17/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	1.0	0	40.0	41.0	8.3	16.0		NV1
12	NGÔ TRÀ	MY	28/11/2011	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	0	0	40.0	40.0	9.4	18.9		NV1
13	PHAN THÁI BẢO	LÂM	02/09/2011	Nghệ An	Nữ	Kinh	0	0	40.0	40.0	9.0	18.2		NV1
14	NGUYỄN THU	HUYỀN	02/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	40.0	40.0	8.9	18.0		NV1
15	HOÀNG DU	HẠO	01/01/2011	Đắk Lắk	Nam	Nùng	1.0	0	39.0	40.0	8.7	17.3		NV1

16	TRIỆU THỊ THÙY	LINH	29/03/2011	Đắk Lắk	Nữ	Tày	1.0	0	39.0	40.0	8.7	16.4		NV1
17	TRẦN HUY	BẢO	04/05/2011	Đắk Lắk	Nam	Kinh	0	0	40.0	40.0	8.5	16.7		NV1
18	LƯƠNG THỊ NHƯ	HỒNG	17/07/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	1.0	0	39.0	40.0	8.5	16.6		NV1
19	LƯU ANH	NGUYỄN	09/11/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	1.0	0	39.0	40.0	8.3	16.5		NV1
20	TÔN LỮ HỒNG	THUYỀN	10/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	1.0	0	39.0	40.0	8.2	14.9		NV1
21	HOÀNG NGỌC	ÁNH	06/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	1.0	0	39.0	40.0	8.1	16.4		NV1
22	TRƯƠNG THỊ	HÀ	21/08/2011	Cao Bằng	Nữ	Mông	1.0	0	39.0	40.0	7.8	15.6		NV1
23	NÔNG MỸ	NHƯ	05/03/2011	Đắk Lắk	Nữ	Nùng	1.0	0	38.0	39.0	8.9	18.1		NV1
24	CAO NGỌC	QUÂN	03/02/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	39.0	39.0	8.5	17.2		NV1
25	LIÊU TRIỆU THẮNG	TUYẾT	11/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	Dao	1.0	0	38.0	39.0	8.4	16.9		NV1
26	LÝ THỊ BÍCH	NGỌC	24/04/2010	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	1.0	0	38.0	39.0	8.3	16.7		NV1
27	LÀU Y	MÃN	06/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mông	1.0	0	38.0	39.0	8.3	16.4		NV1
28	DƯƠNG ĐỖ TUYẾT	NHI	26/11/2011	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	0	0	39.0	39.0	8.3	16.0		NV1
29	SÙNG THỊ	XANH	18/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mông	1.0	0	38.0	39.0	8.2	16.1		NV1
30	BÙI PHƯƠNG	VY	19/09/2011	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	0	0	39.0	39.0	8.2	15.6		NV1
31	NÔNG THỊ MINH	THƯ	28/05/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mông	1.0	0	38.0	39.0	8.1	15.0		NV1
32	THẢO THỊ	MÁI	07/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	H'Mông	1.0	0	38.0	39.0	8.0	16.5		NV1
33	NÔNG THỊ NGỌC	DIỆP	18/05/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	1.0	0	38.0	39.0	8.0	16.2		NV1
34	SÙNG THỊ	PÀ	23/05/2010	Lâm Đồng	Nữ	Mông	1.0	0	38.0	39.0	8.0	15.4		NV1
35	VÀNG THỊ	VUI	23/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mông	1.0	0	38.0	39.0	8.0	14.8		NV1
36	NÔNG ĐỨC	THUẬN	09/08/2011	Lâm Đồng	Nam	H'Mông	1.0	0	38.0	39.0	7.6	15.1		NV1
37	HỒ TRẦN GIA	HÙNG	31/12/2011	Đắk Lắk	Nam	Kinh	0	0	38.0	38.0	8.4	15.9		NV1
38	NÔNG THỊ VI	NA	20/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	1.0	0	37.0	38.0	8.3	16.8		NV1

39	HOÀNG VI KIỀU	OANH	18/02/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	1.0	0	37.0	38.0	8.3	16.0		NV1
40	NGUYỄN ĐỖ BẢO	NGỌC	03/12/2011	TP. Hà Nội	Nữ	Kinh	0	0	38.0	38.0	8.2	16.2		NV1
41	HOÀNG TÔ BẢO	TRÂN	08/06/2011	Đắk Lắk	Nữ	Nùng	1.0	0	37.0	38.0	8.2	16.1		NV1
42	VI THỊ THU	HUYỀN	13/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	Tày	1.0	0	37.0	38.0	8.2	15.7		NV1
43	TRẠCH THỊ THANH	NGÂN	06/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	1.0	0	37.0	38.0	8.2	15.1		NV1
44	VI NGỌC BẢO	TRÂN	18/11/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	1.0	0	37.0	38.0	8.1	16.3		NV1
45	HỨA THỊ NGỌC	HÂN	08/06/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	1.0	0	37.0	38.0	8.1	16.0		NV1
46	PHÙNG THỊ HUYỀN	TRANG	19/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	Dao	1.0	0	37.0	38.0	8.1	15.5		NV1
47	NÔNG THỊ BẢO	TRÂM	26/10/2011	Đắk Lắk	Nữ	Nùng	1.0	0	37.0	38.0	8.0	14.1		NV1
48	SẨM THỊ	GÁI	29/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mông	1.0	0	37.0	38.0	7.8	15.5		NV1
49	NÔNG THỊ THÚY	NGÂN	02/07/2011	Đắk Lắk	Nữ	Nùng	1.0	0	37.0	38.0	7.7	15.0		NV1
50	VI THỊ	QUỲNH	18/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	1.0	0	37.0	38.0	7.6	15.4		NV1
51	NÔNG BẢO	NGÂN	17/07/2011	Lâm Đồng	Nữ	Tày	1.0	0	36.0	37.0	8.2	16.4		NV1
52	LÒ MINH	NHẬT	24/06/2011	Lâm Đồng	Nam	Thái	1.0	0	36.0	37.0	8.2	15.4		NV1
53	HOÀNG MINH	HỘI	14/07/2011	Lâm Đồng	Nam	Nùng	1.0	0	36.0	37.0	8.0	14.9		NV1
54	SẨM THỊ MINH	HUỆ	24/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	1.0	0	36.0	37.0	8.0	14.4		NV1
55	SÙNG THỊ	DE	19/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mông	1.0	0	36.0	37.0	7.9	15.6		NV1
56	LÃNG THỊ BẢO	TRÂM	08/02/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	1.0	0	36.0	37.0	7.9	15.5		NV1
57	VŨ HUYỀN TRÂM	ANH	10/07/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	1.0	0	36.0	37.0	7.9	15.0		NV1
58	CHU THỊ THẢO	VY	26/08/2011	Đắk Lắk	Nữ	Nùng	1.0	0	36.0	37.0	7.9	14.4		NV1
59	TỔ MINH	DIỆP	02/04/2011	Lâm Đồng	Nam	Nùng	1.0	0	36.0	37.0	7.9	14.0		NV1
60	NÔNG THỊ KIM	NGÂN	05/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	Tày	1.0	0	36.0	37.0	7.8	15.6		NV1
61	CHU NHẬT	ANH	05/06/2011	Lâm Đồng	Nam	Nùng	1.0	0	36.0	37.0	7.8	15.3		NV1

62	HOÀNG THỊ ÁNH	TUYẾT	25/06/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mông	1.0	0	36.0	37.0	7.8	14.6		NV1
63	LÝ THỊ THẢO	VY	21/05/2011	Lâm Đồng	Nữ	Tày	1.0	0	36.0	37.0	7.8	13.8		NV1
64	NGUYỄN MẠNH	HẢI	21/05/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	1.0	0	36.0	37.0	7.8	13.2		NV1
65	VŨ THỊ HÀ	LINH	30/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	1.0	0	36.0	37.0	7.7	15.7		NV1
66	LÝ THỊ HÀ	DUYÊN	06/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mông	1.0	0	36.0	37.0	7.7	15.6		NV1
67	LÊ NGỌC	HÂN	02/10/2011	Đắk Lắk	Nữ	Tày	1.0	0	36.0	37.0	7.7	15.5		NV1
68	LÝ THỊ	SÀI	18/05/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mông	1.0	0	36.0	37.0	7.7	15.3		NV1
69	CHU HOÀI	LINH	26/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	1.0	0	36.0	37.0	7.7	14.6		NV1
70	MÃ THỊ	MAI	15/06/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	1.0	0	36.0	37.0	7.7	13.6		NV1
71	NÔNG THỊ HUYỀN	TRANG	04/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	1.0	0	36.0	37.0	7.6	14.9		NV1
72	HOÀNG THỊ	PHƯƠNG	16/02/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mông	1.0	0	36.0	37.0	7.6	14.6		NV1
73	NÔNG THỊ THANH	THẢO	03/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	1.0	0	36.0	37.0	7.6	14.2		NV1
74	HOÀNG VĂN	LÝ	24/09/2011	Lâm Đồng	Nam	Mông	1.0	0	36.0	37.0	7.6	14.1		NV1
75	HOÀNG THANH	LUÂN	02/06/2011	Lâm Đồng	Nam	Nùng	1.0	0	36.0	37.0	7.6	13.5		NV1
76	NÔNG ANH	ĐỨC	20/05/2011	Lâm Đồng	Nam	Tày	1.0	0	36.0	37.0	7.5	13.8		NV1
77	LÊ THỊ ANH	TÂM	19/02/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	1.0	0	36.0	37.0	7.4	14.2		NV1
78	HOÀNG THỊ	TÂM	26/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mông	1.0	0	36.0	37.0	7.4	14.2		NV1
79	LƯU THỊ ÁNH	TUYẾT	05/06/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	1.0	0	36.0	37.0	7.4	13.9		NV1
80	ĐẶNG THỊ HỒNG	THẨM	01/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	1.0	0	36.0	37.0	7.3	14.6		NV1
81	HÀU THỊ	HAI	22/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mông	1.0	0	36.0	37.0	7.3	14.4		NV1
82	HỨA HỒNG HẢI	DƯƠNG	31/05/2011	Lâm Đồng	Nam	Nùng	1.0	0	36.0	37.0	7.3	13.7		NV1
83	HOÀNG THỊ	CHINH	08/07/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mông	1.0	0	36.0	37.0	7.3	13.1		NV1
84	LƯƠNG MINH	NHẬT	31/01/2011	Lâm Đồng	Nam	Nùng	1.0	0	36.0	37.0	7.3	13.0		NV1

85	HOÀNG VIỆT	ANH	11/01/2011	Lâm Đồng	Nam	Tày	1.0	0	36.0	37.0	7.3	12.5		NV1
86	VŨ THỊ	TIM	03/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mông	1.0	0	36.0	37.0	7.2	14.5		NV1
87	HOÀNG QUỐC	THIÊN	07/04/2011	Lâm Đồng	Nam	Nùng	1.0	0	36.0	37.0	7.2	13.8		NV1
88	TRƯƠNG THỊ ANH	THƯ	26/05/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	1.0	0	36.0	37.0	7.2	13.5		NV1
89	NGÔ THỦY	TIÊN	05/03/2010	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	1.0	0	36.0	37.0	7.1	14.2		NV1
90	TÔ NÔNG	TRANG	31/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	Tày	1.0	0	36.0	37.0	7.1	13.1		NV1
91	HOÀNG HỒNG	NGÂN	28/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	1.0	0	36.0	37.0	7.1	12.1		NV1
92	GIÀNG THỊ	PÀ	28/05/2010	Tuyên Quang	Nữ	Mông	1.0	0	36.0	37.0	7.0	13.4		NV1
93	LA TUẤN	ANH	01/11/2011	Đắk Lắk	Nam	Nùng	1.0	0	36.0	37.0	7.0	12.1		NV1
94	PHẠM TUẤN	PHONG	25/09/2011	Đắk Lắk	Nam	Kinh	0	0	36.0	36.0	7.9	14.1		NV1
95	PHẠM ĐỖ BÌNH	AN	12/02/2011	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	0	0	36.0	36.0	7.8	15.3		NV1
96	BÙI HẢI	YẾN	23/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	36.0	36.0	7.8	15.2		NV1
97	PHẠM BẢO	TRANG	13/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	36.0	36.0	7.7	14.4		NV1
98	ĐOÀN CÔNG	MINH	22/07/2011	Đắk Lắk	Nam	Kinh	0	0	36.0	36.0	7.7	14.1		NV1
99	NGUYỄN MINH	ĐỨC	22/04/2011	Đắk Lắk	Nam	Kinh	0	0	36.0	36.0	7.5	14.5		NV1
100	NGUYỄN VĂN	HOAN	02/01/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	36.0	36.0	7.5	13.8		NV1
101	TRẦN NGỌC	TRÂM	02/09/2011	Đắk Lắk	Nữ	Nùng	1.0	0	35.0	36.0	7.4	15.6		NV1
102	PHẠM HOÀNG	PHÚ	09/11/2011	Ninh Bình	Nam	Kinh	0	0	36.0	36.0	6.9	11.8		NV1
103	NÔNG THỊ DU	LAN	12/11/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	1.0	0	34.0	35.0	8.6	16.0		NV1
104	LÊ TUẤN	HÙNG	10/09/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	35.0	35.0	8.2	15.3		NV1
105	CUNG THỊ	MAI	28/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	1.0	0	34.0	35.0	7.8	14.4		NV1
106	HẠ ON	PHÚC	27/02/2011	Lâm Đồng	Nam	Mông	1.0	0	34.0	35.0	7.7	13.8		NV1
107	NÔNG THỊ HỒNG	NGỌC	01/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	Tày	1.0	0	34.0	35.0	7.6	14.0		NV1

108	LA VÂN	PHONG	20/07/2011	Lâm Đồng	Nam	Mông	1.0	0	34.0	35.0	7.6	13.5		NV1
109	LÝ THỊ	SUA	01/10/2009	Lâm Đồng	Nữ	Mông	1.0	0	34.0	35.0	7.6	12.9		NV1
110	DƯƠNG THỊ PHƯƠNG	CHÂM	09/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mông	1.0	0	34.0	35.0	7.5	13.4		NV1
111	ĐẶNG NGUYỄN XUÂN	HÀ	16/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	Tày	1.0	0	34.0	35.0	7.4	14.1		NV1
112	LƯƠNG THỊ MỸ	CẦM	23/02/2011	Lâm Đồng	Nữ	Tày	1.0	0	34.0	35.0	7.4	13.9		NV1
113	MÔNG THỊ KIỀU	TRÂM	07/11/2011	Đắk Lắk	Nữ	Nùng	1.0	0	34.0	35.0	7.4	13.7		NV1
114	LÀU THỊ	ANH	27/07/2011	Lâm Đồng	Nữ	H'Mông	1.0	0	34.0	35.0	7.4	13.4		NV1
115	H - HĂNG	BKRÔNG	21/12/2010	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	1.0	0	34.0	35.0	7.4	13.4		NV1
116	PHẠM NGUYỄN NGỌC	NHI	19/08/2011	TP. Đồng Nai	Nữ	Tày	1.0	0	34.0	35.0	7.4	12.8		NV1
117	TRẦN THỌ	THẢO	31/01/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	1.0	0	34.0	35.0	7.3	14.0		NV1
118	ĐẶNG HOÀNG BẢO	TRÂM	07/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	1.0	0	34.0	35.0	7.3	12.4		NV1
119	HÀ THU	XUÂN	12/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	Tày	1.0	0	34.0	35.0	7.2	13.2		NV1
120	HOÀNG THỊ	XUÂN	10/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mông	1.0	0	34.0	35.0	7.2	13.1		NV1
121	LƯU THỊ HOÀI	THƯƠNG	09/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	1.0	0	34.0	35.0	7.1	14.7		NV1
122	DƯƠNG THỊ	DUY	28/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mông	1.0	0	34.0	35.0	7.1	13.9		NV1
123	TRIỆU HUYỀN	TRANG	29/12/2011	Đắk Lắk	Nữ	Nùng	1.0	0	34.0	35.0	7.1	13.2		NV1
124	LÃNG BẢO	KHANG	29/05/2011	Lâm Đồng	Nam	Nùng	1.0	0	34.0	35.0	7.1	12.6		NV1
125	LŨ THỊ HUYỀN	TRANG	28/01/2011	Đắk Lắk	Nữ	Thái	1.0	0	34.0	35.0	7.0	13.7		NV1
126	LÝ XUÂN	TRƯỜNG	29/11/2011	Lâm Đồng	Nam	Mông	1.0	0	34.0	35.0	7.0	13.5		NV1
127	HOÀNG THỊ	MI	16/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mông	1.0	0	34.0	35.0	7.0	12.8		NV1
128	LÀU VĂN	HUẤN	11/03/2011	Lâm Đồng	Nam	Mông	1.0	0	34.0	35.0	6.9	12.2		NV1
129	TRIỆU TRƯỞNG THÀNH	NAM	09/06/2011	Lâm Đồng	Nam	Tày	1.0	0	34.0	35.0	6.6	12.9		NV1
130	HOÀNG THỊ	NGA	01/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mông	1.0	0	34.0	35.0	6.6	12.3		NV1

131	TRẦN KHÁNH	HUYỀN	08/06/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	34.0	34.0	7.8	16.0		NV1
132	PHẠM HỒNG	NHUNG	03/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	34.0	34.0	7.3	14.4		NV1
133	TRẦN NÔNG BẢO	NAM	04/06/2011	Đắk Lắk	Nam	Tày	1.0	0	33.0	34.0	7.3	13.7		NV1
134	NGUYỄN THỊ	QUYÊN	02/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	34.0	34.0	7.2	12.9		NV1
135	VI VĂN	TUYẾN	09/04/2009	Lâm Đồng	Nam	Nùng	1.0	0	33.0	34.0	7.1	11.7		NV1
136	PHẠM NGUYỄN GIA	HUY	03/04/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	33.0	33.0	8.2	16.0		NV1
137	HOÀNG THỊ HẢI	YẾN	20/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	Tày	1.0	0	32.0	33.0	7.9	15.4		NV1
138	HÀ THU	HOÀI	10/07/2011	Lâm Đồng	Nữ	Thái	1.0	0	32.0	33.0	7.9	14.5		NV1
139	NGUYỄN NGỌC	TRÂM	02/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	1.0	0	32.0	33.0	7.7	15.8		NV1
140	TRƯƠNG THỊ THÚY	KIỀU	29/01/2011	Đắk Lắk	Nữ	Nùng	1.0	0	32.0	33.0	7.7	15.0		NV1
141	NÔNG THỊ NHƯ'	NGỌC	17/11/2011	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Tày	1.0	0	32.0	33.0	7.6	13.6		NV1
142	LÝ THỊ KIM	OANH	19/09/2011	Cao Bằng	Nữ	Nùng	1.0	0	32.0	33.0	7.4	13.3		NV1
143	LONG THỊ KIM	DUYÊN	17/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	1.0	0	32.0	33.0	7.3	13.5		NV1
144	HÀ THỊ MINH	CHÂU	24/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	Tày	1.0	0	32.0	33.0	7.3	13.1		NV1
145	HOÀNG THỊ	HOA	07/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mông	1.0	0	32.0	33.0	7.2	13.0		NV1
146	HOÀNG KHÁNH	HÒA	29/12/2011	Đắk Lắk	Nam	Nùng	1.0	0	32.0	33.0	7.2	12.4		NV1
147	TRIỆU HOÀI	BĂNG	08/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	Tày	1.0	0	32.0	33.0	7.1	13.8		NV1
148	VI DUY	KHÁNH	04/06/2011	Lâm Đồng	Nam	Nùng	1.0	0	32.0	33.0	7.1	11.9		NV1
149	GIANG TRUNG	DỪNG	21/10/2011	Lâm Đồng	Nam	Tày	1.0	0	32.0	33.0	7.0	13.7		NV1
150	VƯƠNG THỊ HOÀNG	KIM	22/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mông	1.0	0	32.0	33.0	7.0	13.1		NV1
151	HOÀNG BẢO	THIÊN	18/12/2010	Lâm Đồng	Nam	Nùng	1.0	0	32.0	33.0	7.0	11.7		NV1
152	HÀU PHƯƠNG	NHI	11/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	H'mông	1.0	0	32.0	33.0	6.9	14.4		NV1
153	HOÀNG THỊ	KIA	23/10/2010	Thái Nguyên	Nữ	Mông	1.0	0	32.0	33.0	6.9	13.7		NV1

154	NÔNG THỊ HỒNG	NHUNG	30/06/2011	Lâm Đồng	Nữ	Tày	1.0	0	32.0	33.0	6.9	12.9		NV1
155	THẢO THỊ	VÍT	20/11/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mông	1.0	0	32.0	33.0	6.8	13.2		NV1
156	HOÀNG THỊ	LOA	03/06/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mông	1.0	0	32.0	33.0	6.8	13.2		NV1
157	LẠC PHƯƠNG	VY	19/11/2011	Lâm Đồng	Nữ	Tày	1.0	0	32.0	33.0	6.8	13.1		NV1
158	LƯU THỊ THANH	THU	15/07/2011	Đắk Lắk	Nữ	Tày	1.0	0	32.0	33.0	6.8	12.4		NV1
159	HOÀNG TIẾN	ĐẠT	27/06/2011	Lâm Đồng	Nam	Nùng	1.0	0	32.0	33.0	6.7	13.2		NV1
160	DƯƠNG VĂN	SƠN	13/05/2011	Lâm Đồng	Nam	Mông	1.0	0	32.0	33.0	6.7	12.1		NV1
161	HÀU PHƯƠNG	YẾN	06/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mông	1.0	0	32.0	33.0	6.6	12.5		NV1
162	TRIỆU VĂN	HẢI	07/01/2011	Lâm Đồng	Nam	Nùng	1.0	0	32.0	33.0	6.6	12.0		NV1
163	VŨ BẢO	AN	02/04/2011	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	0	0	32.0	32.0	7.6	14.3		NV1
164	MA THỊ QUỲNH	HƯƠNG	20/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	Tày	1.0	0	31.0	32.0	7.3	13.1		NV1
165	HOÀNG THỊ NGỌC	CHÂU	10/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	1.0	0	31.0	32.0	6.4	12.4		NV1
166	HUỲNH THỊ THU	HOÀI	27/05/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	1.0	0	30.0	31.0	7.7	13.3		NV1
167	LEN HOÀNG	VŨ	25/12/2011	Lâm Đồng	Nam	Mường	1.0	0	30.0	31.0	7.3	12.8		NV1
168	NÔNG THỊ THU	HẰNG	11/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	Tày	1.0	0	30.0	31.0	7.2	13.8		NV1
169	H: NHUEL	AYUN	13/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	1.0	0	30.0	31.0	7.2	13.2		NV1
170	LÝ A	DẦU	25/02/2010	Lâm Đồng	Nam	Mông	1.0	0	30.0	31.0	7.2	12.4		NV1
171	LÝ VĂN	THANH	13/08/2011	Lâm Đồng	Nam	Mông	1.0	0	30.0	31.0	7.1	13.3		NV1
172	DƯƠNG VĂN	HỒNG	05/08/2010	Lâm Đồng	Nam	Mông	1.0	0	30.0	31.0	7.0	13.4		NV1
173	NÔNG THỊ	YẾN	14/02/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mông	1.0	0	30.0	31.0	7.0	13.0		NV1
174	TRỊNH MINH	CHIẾN	17/08/2011	Lâm Đồng	Nam	Dao	1.0	0	30.0	31.0	7.0	12.4		NV1
175	VI QUỐC	DUY	16/09/2011	Lâm Đồng	Nam	Nùng	1.0	0	30.0	31.0	7.0	12.1		NV1
176	LÝ THỊ	MAI	11/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mông	1.0	0	30.0	31.0	6.9	13.3		NV1

177	NÔNG ĐỨC	MẠNH	13/10/2011	Lâm Đồng	Nam	Mông	1.0	0	30.0	31.0	6.9	12.4		NV1
178	VI THỊ KIM	DIỄN	18/06/2011	Lâm Đồng	Nữ	Thái	1.0	0	30.0	31.0	6.8	14.0		NV1
179	DƯƠNG THỊ	MÍA	13/06/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mông	1.0	0	30.0	31.0	6.8	13.6		NV1
180	HOÀNG NGỌC	VI	19/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	1.0	0	30.0	31.0	6.8	12.9		NV1
181	ĐÀM NGỌC	CHIẾN	20/06/2009	Lâm Đồng	Nam	Nùng	1.0	0	30.0	31.0	6.8	12.7		NV1
182	THÀNH QUỐC	CƯỜNG	03/01/2010	Lâm Đồng	Nam	Nùng	1.0	0	30.0	31.0	6.8	12.3		NV1
183	HÀU KIM	HÒA	16/01/2011	Lâm Đồng	Nam	Mông	1.0	0	30.0	31.0	6.8	11.5		NV1
184	TRẦN GIA	BẢO	25/07/2011	Đắk Lắk	Nam	Nùng	1.0	0	30.0	31.0	6.7	13.2		NV1
185	HỨA LÂM TỊNH	NGUYỄN	01/01/2011	Lâm Đồng	Nam	Tày	1.0	0	30.0	31.0	6.7	12.6		NV1
186	VI TRUNG	HIẾU	11/07/2011	Lâm Đồng	Nam	Tày	1.0	0	30.0	31.0	6.6	11.5		NV1
187	LÝ THỊ	VY	24/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mông	1.0	0	30.0	31.0	6.5	12.6		NV1
188	HOÀNG THỊ	LIÊN	03/05/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mông	1.0	0	30.0	31.0	6.5	12.0		NV1
189	TRƯƠNG THỊ	THẢO	11/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mông	1.0	0	30.0	31.0	6.4	12.8		NV1
190	HOÀNG ANH	QUÂN	22/03/2011	Lâm Đồng	Nam	Nùng	1.0	0	30.0	31.0	6.4	11.9		NV1
191	DƯƠNG THỊ	CÔNG	24/02/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mông	1.0	0	30.0	31.0	6.3	13.1		NV1
192	MÃ VĂN	HOÀN	22/09/2011	Lâm Đồng	Nam	Hmông	1.0	0	30.0	31.0	5.6	10.8		NV1
193	BÙI THỊ MỸ	NGỌC	07/11/2011	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	0	0	30.0	30.0	7.2	12.7		NV1
194	H' HUYỀN H	ĐỐC	08/03/2010	Lâm Đồng	Nữ	Ê-đê	1.0	0	29.0	30.0	7.2	12.2		NV1
195	HÀ KIỀU	VY	29/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	Thái	1.0	0	29.0	30.0	6.9	13.3		NV1
196	TRẦN QUỐC	ANH	30/10/2011	Đắk Lắk	Nam	Kinh	0	0	30.0	30.0	6.9	13.1		NV1
197	BÙI VĂN	NAM	25/06/2011	Quảng Ngãi	Nam	Mường	1.0	0	29.0	30.0	6.9	12.6		NV1
198	HOÀNG THỊ THANH	TÂM	02/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	30.0	30.0	6.8	13.5		NV1
199	LA BẢO	KHÁNH	17/07/2011	Đắk Lắk	Nam	Tày	1.0	0	29.0	30.0	6.8	13.1		NV1

200	CAO HOÀNG	BẢO	05/08/2011	Đắk Lắk	Nam	Kinh	0	0	30.0	30.0	6.8	13.0		NV1
201	HOÀNG TRỌNG	NGHĨA	07/02/2011	Lâm Đồng	Nam	Tày	1.0	0	29.0	30.0	6.8	12.5		NV1
202	HOÀNG THỊ THU	HẰNG	01/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	1.0	0	29.0	30.0	6.5	11.9		NV1
203	NÔNG PHI	THƯỜNG	28/10/2011	Cao Bằng	Nam	Nùng	1.0	0	28.0	29.0	7.0	13.8		NV1
204	DƯƠNG THỊ	MÁY	21/09/2010	Lâm Đồng	Nữ	Mông	1.0	0	28.0	29.0	7.0	12.3		NV1
205	HÀU THỊ	MANH	22/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mông	1.0	0	28.0	29.0	6.9	12.8		NV1
206	ĐÀM ĐÌNH	NAM	28/05/2011	Đắk Lắk	Nam	Nùng	1.0	0	28.0	29.0	6.9	12.2		NV1
207	HOÀNG MẠNH	TUYỀN	22/05/2011	Lâm Đồng	Nam	Tày	1.0	0	28.0	29.0	6.8	12.6		NV1
208	NÔNG ĐỨC	HUY	18/02/2011	Lâm Đồng	Nam	Nùng	1.0	0	28.0	29.0	6.8	12.5		NV1
209	DƯƠNG HẰNG	NGA	02/11/2011	Cao Bằng	Nữ	Mông	1.0	0	28.0	29.0	6.8	11.7		NV1
210	LỤC TUYẾT	THẢO	21/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	1.0	0	28.0	29.0	6.7	12.9		NV1
211	SÙNG VĂN	HẢI	22/09/2009	Lâm Đồng	Nam	Mông	1.0	0	28.0	29.0	6.7	12.7		NV1
212	DƯƠNG VĂN	ĐẠT	23/07/2011	Lâm Đồng	Nam	Mông	1.0	0	28.0	29.0	6.6	12.7		NV1
213	SÙNG VĂN	THE	26/02/2011	Lâm Đồng	Nam	H'mông	1.0	0	28.0	29.0	6.6	12.5		NV1
214	GIANG TRUNG	HIẾU	22/10/2011	Lâm Đồng	Nam	Tày	1.0	0	28.0	29.0	6.6	12.4		NV1
215	DƯƠNG VĂN	SỸ	20/06/2010	Lâm Đồng	Nam	Mông	1.0	0	28.0	29.0	6.6	12.2		NV1
216	Y BIM	ÊYA	07/01/2011	Lâm Đồng	Nam	Mnông	1.0	0	28.0	29.0	6.6	12.2		NV1
217	HOÀNG ĐÌNH	HIỆP	18/08/2011	Lâm Đồng	Nam	Nùng	1.0	0	28.0	29.0	6.6	11.5		NV1
218	GIÀNG A	HẠNH	24/12/2010	Lâm Đồng	Nam	Mông	1.0	0	28.0	29.0	6.6	11.4		NV1
219	VI QUỐC	KHÔI	01/08/2011	Lâm Đồng	Nam	Nùng	1.0	0	28.0	29.0	6.5	13.1		NV1
220	DƯƠNG NGỌC	HOA	10/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mông	1.0	0	28.0	29.0	6.5	13.0		NV1
221	VI THỊ THẢO	VY	12/11/2011	Lâm Đồng	Nữ	Thái	1.0	0	28.0	29.0	6.5	12.9		NV1
222	HOÀNG THỊ ÁNH	THƯƠNG	15/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mông	1.0	0	28.0	29.0	6.5	12.8		NV1

223	DƯƠNG VĂN	HỒNG	20/08/2011	Lâm Đồng	Nam	Mông	1.0	0	28.0	29.0	6.5	12.2		NV1
224	LÒ KHÁNH	VINH	19/09/2011	Lâm Đồng	Nam	Thái	1.0	0	28.0	29.0	6.5	12.0		NV1
225	HOÀNG THIÊN	VY	26/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	1.0	0	28.0	29.0	6.5	11.8		NV1
226	Y - NAHSÔN	KPƠR	15/09/2010	Lâm Đồng	Nam	Ê-đê	1.0	0	28.0	29.0	6.5	11.8		NV1
227	VI VĂN	ĐIỆP	24/12/2010	Lâm Đồng	Nam	Nùng	1.0	0	28.0	29.0	6.5	11.7		NV1
228	LỤC THÁI	HÒA	14/08/2011	Đắk Lắk	Nam	Tày	1.0	0	28.0	29.0	6.5	11.7		NV1
229	VI THỊ KHÁNH	BĂNG	04/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	1.0	0	28.0	29.0	6.5	11.6		NV1
230	LÝ THỊ	NHI	23/03/2010	Lâm Đồng	Nữ	Mông	1.0	0	28.0	29.0	6.4	13.5		NV1
231	LÀU VĂN	SƠN	05/07/2011	Lâm Đồng	Nam	Hmông	1.0	0	28.0	29.0	6.4	12.6		NV1
232	LÂM NHƯ	NGUYỆT	12/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	1.0	0	28.0	29.0	6.4	12.1		NV1
233	HOÀNG MAI KIỀU	ANH	06/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	1.0	0	28.0	29.0	6.4	12.1		NV1
234	BẾ LÂM	ANH	01/01/2011	Lâm Đồng	Nam	Tày	1.0	0	28.0	29.0	6.4	12.1		NV1
235	HÀ VĂN	THUẬN	20/01/2011	Lâm Đồng	Nam	Thái	1.0	0	28.0	29.0	6.4	12.0		NV1
236	HOÀNG HỮU	PHƯỚC	26/11/2011	Lâm Đồng	Nam	Nùng	1.0	0	28.0	29.0	6.4	11.7		NV1
237	MÔNG QUANG	HUY	28/09/2010	Đắk Lắk	Nam	Nùng	1.0	0	28.0	29.0	6.4	10.7		NV1
238	HỨA MINH	THAO	09/11/2010	Lâm Đồng	Nam	Nùng	1.0	0	28.0	29.0	6.4	10.7		NV1
239	HOÀNG ĐỨC	THUẬN	20/05/2011	Lâm Đồng	Nam	Tày	1.0	0	28.0	29.0	6.4	10.7		NV1
240	VƯƠNG TIỀN	DỪNG	13/06/2011	Lâm Đồng	Nam	Nùng	1.0	0	28.0	29.0	6.4	10.6		NV1
241	NGUYỄN ĐỨC	VƯỢNG	29/10/2011	Lâm Đồng	Nam	Tày	1.0	0	28.0	29.0	6.3	13.5		NV1
242	HOÀNG VĂN	SỸ	12/03/2011	Lâm Đồng	Nam	Mông	1.0	0	28.0	29.0	6.3	12.6		NV1
243	LA THANH	DƯƠNG	02/12/2011	Lâm Đồng	Nam	Mông	1.0	0	28.0	29.0	6.3	12.5		NV1
244	LÝ LAN	CHI	12/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	1.0	0	28.0	29.0	6.3	12.1		NV1
245	TRỊNH HỮU	THÔNG	20/07/2011	Lâm Đồng	Nam	Nùng	1.0	0	28.0	29.0	6.3	12.1		NV1

246	LÝ THỊ	SI	20/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mông	1.0	0	28.0	29.0	6.3	12.1		NV1
247	VI VĂN	TÙNG	31/01/2010	Lâm Đồng	Nam	Nùng	1.0	0	28.0	29.0	6.3	11.8		NV1
248	LÝ VĂN	SƠN	08/08/2010	Lâm Đồng	Nam	H'mông	1.0	0	28.0	29.0	6.3	11.6		NV1
249	HÙNG BẢO	NAM	15/01/2011	Lâm Đồng	Nam	Nùng	1.0	0	28.0	29.0	6.3	11.4		NV1
250	SÙNG VĂN	BÌNH	14/07/2009	Cao Bằng	Nam	Mông	1.0	0	28.0	29.0	6.3	11.3		NV1
251	LÝ VĂN	THẠNH	04/04/2011	Lâm Đồng	Nam	Mông	1.0	0	28.0	29.0	6.3	11.1		NV1
252	LÝ VĂN	QUÂN	15/06/2011	Lâm Đồng	Nam	Mông	1.0	0	28.0	29.0	6.3	10.8		NV1
253	TRẦN QUỐC	DŨNG	04/10/2011	Lâm Đồng	Nam	Nùng	1.0	0	28.0	29.0	6.3	10.6		NV1
254	NGÔ VĂN	CƯỜNG	12/01/2011	Lâm Đồng	Nam	Mông	1.0	0	28.0	29.0	6.2	12.2		NV1
255	HOÀNG VĂN	THUẬN	09/12/2010	Cao Bằng	Nam	H'Mông	1.0	0	28.0	29.0	6.2	11.7		NV1
256	HOÀNG MINH	QUYỀN	12/04/2008	Đắk Lắk	Nam	Nùng	1.0	0	28.0	29.0	6.2	11.4		NV1
257	TRƯƠNG ĐÌNH	THIỆN	20/06/2011	Đắk Lắk	Nam	Nùng	1.0	0	28.0	29.0	6.2	11.4		NV1
258	DƯƠNG THỊ	SI	04/10/2008	Lâm Đồng	Nữ	Mông	1.0	0	28.0	29.0	6.1	11.7		NV1
259	VÙ VĂN	CHUNG	11/03/2011	Lâm Đồng	Nam	H'mông	1.0	0	28.0	29.0	6.1	11.6		NV1
260	HOÀNG VĂN	HẬU	14/07/2011	Lâm Đồng	Nam	Nùng	1.0	0	28.0	29.0	6.1	11.4		NV1
261	LÝ VĂN	QUÂN	07/02/2011	Lâm Đồng	Nam	Mông	1.0	0	28.0	29.0	6.1	11.4		NV1
262	VY VĂN	ĐOÀN	25/11/2011	Đắk Lắk	Nam	Nùng	1.0	0	28.0	29.0	6.1	11.3		NV1
263	NÔNG BẢO	KHANH	10/11/2011	Lâm Đồng	Nam	Tày	1.0	0	28.0	29.0	6.1	11.2		NV1
264	HOÀNG VĂN	CƯỜNG	05/01/2011	Lâm Đồng	Nam	Mông	1.0	0	28.0	29.0	6.0	12.5		NV1
265	LỤC QUỐC	HÙNG	01/12/2011	Lâm Đồng	Nam	Tày	1.0	0	28.0	29.0	6.0	11.9		NV1
266	MÔNG GIA	HUY	22/08/2011	Lâm Đồng	Nam	Tày	1.0	0	28.0	29.0	6.0	11.8		NV1
267	HOÀNG NHẬT	MINH	12/03/2011	Lâm Đồng	Nam	Tày	1.0	0	28.0	29.0	6.0	11.6		NV1
268	LÝ TUẤN	HUY	29/10/2011	Lâm Đồng	Nam	Nùng	1.0	0	28.0	29.0	6.0	11.2		NV1

269	ĐỖ QUỐC GIA	BẢO	30/09/2011	Lâm Đồng	Nam	Nùng	1.0	0	28.0	29.0	6.0	11.0		NV1
270	HOÀNG LÊ CHÍ	THÀNH	20/12/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	29.0	29.0	6.0	11.0		NV1
271	THÀO VĂN	KHÁNH	22/06/2009	Lâm Đồng	Nam	Mông	1.0	0	28.0	29.0	6.0	10.9		NV1
272	DƯƠNG THANH	VŨ	02/03/2011	Lâm Đồng	Nam	Mông	1.0	0	28.0	29.0	5.9	12.0		NV1
273	NÔNG KHÁNH	LINH	26/04/2011	Lâm Đồng	Nam	Tày	1.0	0	28.0	29.0	5.9	10.0		NV1
274	ĐÀO CÔNG	BÌNH	17/07/2011	Lâm Đồng	Nam	Mông	1.0	0	28.0	29.0	5.8	11.7		NV1
275	LÀU VĂN	NGUYỆT	20/12/2011	Lâm Đồng	Nam	Mông	1.0	0	28.0	29.0	5.8	11.1		NV1
276	VI HOÀNG	TUẤN	09/04/2011	Lâm Đồng	Nam	Nùng	1.0	0	28.0	29.0	5.7	11.1		NV1
277	TRIỆU QUỐC	VIỆT	12/11/2011	Lâm Đồng	Nam	Tày	1.0	0	28.0	29.0	5.6	11.6		NV1
278	LÃNG MINH	HIẾU	17/04/2011	Lâm Đồng	Nam	Nùng	1.0	0	28.0	29.0	5.6	10.9		NV1
279	NGÔ VĂN	TƯỜNG	01/12/2011	Lâm Đồng	Nam	Nùng	1.0	0	28.0	29.0	5.4	10.2		NV1
280	PHẠM THỊ NHƯ	QUỲNH	06/10/2011	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	0	0	28.0	28.0	6.9	12.9		NV1

Danh sách này có 280 học sinh trúng tuyển vào lớp 10 năm học 2026 - 2027.